

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành danh mục đào tạo nghề trình độ sơ cấp  
và đào tạo dưới 3 tháng cho người lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Quy định chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 74/TTr-SLĐTBXH ngày 10 tháng 4 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho người lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước (kèm theo danh mục **90** ngành, nghề).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ LĐ-TB&XH (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh;
- LĐVP, Phòng KGVX, TH, KT;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-06).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG  
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>NGHỀ ĐÀO TẠO</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>I</b>	<b>NGHỀ NÔNG NGHIỆP</b>	
1	Trồng và chăm sóc cây Tiêu	
2	Trồng và chăm sóc cây Cà phê	
3	Trồng và khai thác mủ cao su	
4	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh	
5	Trồng và khai thác nấm	
6	Chăn nuôi Heo	
7	Chăn nuôi Trâu - Bò	
8	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	
9	Trồng và chăm sóc cây có múi	
10	Kỹ thuật sản xuất rau an toàn ứng dụng Công nghệ cao	
11	Kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cho dê	
12	Kỹ thuật ghép và trồng điều	
13	Kỹ thuật nuôi thỏ	
14	Kỹ thuật nuôi dúi	
15	Kỹ thuật nuôi ba ba	
16	Kỹ thuật nuôi lươn	
17	Kỹ thuật nuôi vịt trời	
18	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt (cá tra, cá lăng, cá lóc, cá rô, cá sặc ...).	
19	Phòng trừ sâu bệnh hại cây công nghiệp	
20	Kỹ thuật nuôi dê	
21	Kỹ thuật trồng và thâm canh cây ca cao, cây gấc...	
<b>II</b>	<b>NGHỀ PHI NÔNG NGHIỆP</b>	
1	Kế toán Doanh nghiệp	
2	Máy Công nghiệp	
3	Điện dân dụng	
4	Vận hành xe nâng hàng	
5	Lái xe hạng B2	
6	Lái xe hạng C	
7	Lái xe ô tô nâng hạng B2 lên hạng C	
8	Mộc dân dụng	

9	Hàn điện	
10	Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô	
11	Sửa chữa điện thoại di động	
12	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ	
13	Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp	
14	Chăm sóc da	
15	Xoa bóp (Massage)	
16	Tin học văn phòng	
17	Sửa chữa thiết bị may công nghiệp	
18	Điện công nghiệp	
19	Kỹ thuật trang điểm	
20	Thêu máy, thêu tay và kết cườm	
21	Sơn Ô tô cơ bản	
22	Sơn Ô tô nâng cao	
23	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nhà hàng, khách sạn	
24	Sửa chữa xe gắn máy	
25	Thiết kế Website	
26	Thiết kế đồ họa	
27	Mây tre đan	
28	Hàn hơi và inox	
29	Vận hành cần trục	
30	Kỹ năng bán hàng	
31	Pha chế đồ uống	
32	Kỹ thuật xây dựng	
33	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	
34	Chế biến món ăn Á - Âu	
35	Vệ sinh công nghiệp	
36	Máy dân dụng	
37	Lắp đặt điện nội thất	
38	Cài đặt và sửa chữa máy vi tính	
39	Nghiệp vụ bảo vệ	
40	Điện lạnh	
41	Sửa chữa điện công nghiệp	
42	Thiết kế tạo mẫu tóc	
43	Quản trị mạng máy tính	
44	Chăm sóc sức khỏe	
45	Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ	
46	Tiếng Nhật	
47	Tiếng Hàn	

48	Mộc mỹ nghệ	
49	Thư ký văn phòng	
50	Nghiệp vụ kế toán và khai báo thuế	
51	Cắt uốn tóc nữ	
52	Cắt uốn tóc nam	
53	Phun xăm thêu trên da không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm	
54	Quản lý spa	
55	Chế biến mủ cao su	
56	Kỹ thuật chế biến hạt điều	
57	Thêu tranh	
58	Cắt gọt kim loại	
59	Sản xuất sản phẩm từ cao su	
60	Sửa chữa, bảo trì máy chế biến cao su	
61	Kiểm phẩm cao su SVR và latex cô đặc	
62	Quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	
63	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản hoa màu	
64	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm cây công nghiệp	
65	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm cây lương thực	
66	Kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh	
67	Ren thủ công	
68	Móc thủ công	
69	Dệt thò cầm	
<b>Tổng cộng: 90 ngành, nghề (21 nông nghiệp và 69 phi nông nghiệp)</b>		